

Bản án số: **14/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **08/01/2024**

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Sâm**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Tống Văn Tư**

2. **Ông Phạm Trung Thành**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **08** tháng **01** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **640/2023/TLST-HNGĐ** ngày **23/10/2024** về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **115/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày **12/12/2023** giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Chị Lê Thị Th**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Lợi N, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có mặt; chị Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/10/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên anh T và chị Th xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022, đến ngày 11/4/2023 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lợi B theo giấy đăng ký kết hôn số 20. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn cự cãi, nguyên

nhân do chị Th ghen tuông vô cớ, hay hăm dọa giết con riêng và hai cháu của anh T nên vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 7/2023 cho đến nay. Do anh T không còn tình cảm gì với chị Th, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên yêu cầu ly hôn với chị Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 30/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn có đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn như anh T trình bày là không đúng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do gia đình bên chồng cấm cản nói chị bị bệnh ông lên bà xuống nên đuổi chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay do chị còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn muốn được hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có đầu tư trồng sầu riêng và mít trên phần đất của cha mẹ chồng cho, chi phí khoảng 30.000.000đồng nếu Tòa án cho ly hôn thì chị yêu cầu được chia đôi.

Về nợ chung: Có nợ tiền hụi của chị Phụng cư ngụ tại xã Mỹ Lợi B 15.000.000đồng, chị yêu cầu anh T trả 50% số tiền nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Th, bị đơn chị Th có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Lê Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên anh T và chị Th xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022 có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn cự cãi, nguyên nhân do chị Th ghen tuông vô cớ, hay hăm dọa giết con riêng và hai cháu của anh T nên vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 7/2023 cho đến nay, do không còn tình cảm nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Th. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th có ý kiến trình bày không đồng ý ly hôn với anh T do vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mong muốn hàn gắn đoàn tụ với anh T.

Xét, sau khi anh T và chị Th xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 5/2023 xảy ra mâu thuẫn do chị Th ghen tuông vô cớ, hăm dọa giết con riêng và hai cháu của anh T dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Chị Th cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn do gia đình anh T cấm cản nói chị bị bệnh ông lên bà xuống nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ 8/2023, do chị vẫn còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn, nhưng từ khi hòa giải vụ án cho đến nay chị Th không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng không có mặt tại phiên tòa từ đó cho thấy chị Th không quan tâm, không có ý định muốn hàn gắn đoàn tụ. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng anh T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Th do tình cảm không còn. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn chị Th trình bày chị và anh T có đầu tư trồng sầu riêng trên phần đất cha mẹ chồng cho chi phí khoảng 30.000.000đồng và có nợ tiền hụi của chị Phượng địa chỉ tại xã Mỹ Lợi B với số tiền 15.000.000đồng nếu ly hôn chị yêu cầu chia đôi. Xét, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay chị Th không có làm đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, cũng không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể của chị Phượng và tại phiên tòa anh T cũng không thừa nhận nên Tòa án không đặt xem xét giải quyết, nếu quyền lợi của chị Th bị ảnh hưởng có thể khởi kiện anh T bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Lê Thị Th.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013151 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như anh T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sâm